

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2018; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2019

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021;

UBND tỉnh Đắk Lăk báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và xây dựng dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh Đắk Lăk như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

I. Thu NSNN trên địa bàn

1. Tổng thu cân đối NSNN năm 2018 ước thực hiện là 5.500.000 triệu đồng, đạt 117,5% dự toán Trung ương và 110% dự toán HĐND tỉnh giao; tăng 6,3% so với năm 2017; trong đó:

- Thu thuế, phí 4.320.000 triệu đồng, đạt 113% dự toán Trung ương và 109% dự toán HĐND tỉnh giao; tăng 12,9% so với năm 2017;
- Thu biện pháp tài chính 923.000 triệu đồng, đạt 136,5% dự toán Trung ương giao và 108,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 77,6% so với năm 2017;
- Thu từ hoạt động xô só kiến thiết 130.000 triệu đồng, đạt 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao; tăng 12% so với năm 2017;
- Thu thuế XNK: 127.000 triệu đồng, đạt 254% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao; tăng 189% so với năm 2017;

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

2. Thu ngân sách trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

Tổng thu cân đối ngân sách các huyện, thị xã, thành phố ước thực hiện là: 2.511.941 triệu đồng, đạt 119,2% dự toán HĐND tỉnh giao; trong đó:

- Thu thuế, phí, lệ phí: 1.620.172 triệu đồng, đạt 109,2% dự toán HĐND tỉnh giao;

- Thu biện pháp tài chính: 891.769 triệu đồng, đạt 143% dự toán HDND tỉnh giao;

(Chi tiết phụ lục 03 kèm theo)

Tuy nhiên, có 02 huyện (Ea H'leo, Krông Pác) dự kiến thu thuế, phí không đạt dự toán HDND tỉnh giao và 02 huyện (Krông Bông, Lăk) dự kiến thực hiện không đạt dự toán thu biện pháp tài chính đã được HDND tỉnh giao đã làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chi của các huyện.

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2018

Tổng thu cân đối vượt 17,5% Trung ương giao và vượt 10% HDND tỉnh giao là do:

- UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo tăng cường quản lý thu thuế trên địa bàn; đẩy mạnh chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại và gian lận giá. Với nhiều giải pháp được triển khai thực hiện đã phần nào kiềm chế được nợ đọng thuế, không để nợ đọng thuế mới phát sinh.

- Cơ quan thuế đã đẩy mạnh tuyên truyền cải cách hành chính về thuế, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; chống thất thu, nhất là đối với các lĩnh vực trọng điểm.

- Các cấp, các ngành đã có sự phối hợp tương đối chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả; một số chính sách thuế mới có hiệu lực thi hành đã tác động tích cực đến nguồn thu NSNN của tỉnh, đặc biệt là thuế Tài nguyên, thuế TTĐB mặt hàng bia (tăng từ 60% lên 65%)... đã tác động làm tăng nguồn thu cho ngân sách của tỉnh.

- Đẩy mạnh thu biện pháp tài chính, nhất là thu từ tiền sử dụng đất; công tác bán nhà thuộc sở hữu nhà nước; tăng cường thu phạt vi phạm hành chính, bán đấu giá tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước...

II. Chi ngân sách địa phương năm 2018

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2018 ước thực hiện 14.830.109 triệu đồng, tăng 3,42% so với dự toán Trung ương và 1,38% dự toán HDND tỉnh giao; tăng 14,2% so với năm 2017; trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 12.907.060 triệu đồng, bao gồm:

a) Chi đầu tư phát triển: 1.746.791 triệu đồng, đạt 112,12% dự toán Trung ương giao và đạt 100% dự toán HDND tỉnh giao.

b) Chi thường xuyên: 10.965.459 triệu đồng, tăng 11,1% so với dự toán Trung ương và tăng 10% dự toán HDND tỉnh giao đầu năm, so với năm 2017 tăng 10,7% (do thực hiện các nhiệm vụ được chuyển nguồn kinh phí từ năm 2017 sang năm 2018).

c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.440 triệu đồng.

2. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ từ nguồn Trung ương bổ sung mục tiêu: 1.923.049 triệu đồng, đạt 71,8% so với dự toán Trung ương và HDND tỉnh giao, trong đó:

- Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu: 1.242.779 triệu đồng, đạt 65% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 32% so với năm 2017.

- Chi thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương bổ sung có mục tiêu: 485.592 triệu đồng, đạt 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 68,7% so với năm 2017.

- Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 194.678 triệu đồng, đạt 70% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng đạt 80% so với năm 2017.

Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đạt thấp so với dự toán giao đầu năm do việc triển khai thực hiện các dự án này đòi hỏi quy trình thủ tục chặt chẽ, mất nhiều thời gian và qua nhiều công đoạn. Đến nay còn nhiều công trình thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia đang triển khai thi công nên khối lượng thực hiện còn thấp so với dự toán giao đầu năm.

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

III. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh về thu, chi ngân sách năm 2018

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 08/12/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2018; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2018; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước năm 2018 của tỉnh Đăk Lăk; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018;

Với quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 3478a/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; UBND tỉnh đã chỉ đạo tại Văn bản số 10538/UBND-KT ngày 28/12/2017 về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2018; trong đó yêu cầu các sở, ban, ngành của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

a) Về thu ngân sách nhà nước:

- Tập trung tổ chức thực hiện tốt Luật NSNN năm 2015, các Nghị quyết của Quốc hội, HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

- Đẩy mạnh tuyên truyền pháp Luật, chính sách mới về thuế; tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế về các chính sách và thủ tục hành chính thuế, nhất là các quy định mới được ban hành và sửa đổi, bổ sung để người nộp thuế kịp thời nắm bắt chính xác các chính sách, pháp luật thuế và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thu NSNN, giảm thiểu thời gian, chi phí cho người nộp thuế.

- Tập trung hỗ trợ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, thúc

đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm đưa vào sử dụng các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh; tập trung xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, làm tốt công tác giải ngân vốn đầu tư.

- Tập trung giải quyết các dự án còn tồn đọng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất từ năm 2017 về trước; đôn đốc các chủ dự án thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào NSNN theo quy định. Hoàn thiện hồ sơ và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các khu đất trong quy hoạch.

- Các cơ quan thuế, hải quan tăng cường quản lý thu, xử lý nợ đọng thuế; chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế; thực hiện các giải pháp phù hợp để đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản phát sinh. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành giải quyết những vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính,... nhằm đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, đấu giá đất, giao đất, cho thuê đất và triển khai thu kịp thời các khoản thu từ đất đai vào NSNN.

Từ trước đến nay, năm 2018 là năm có tiến độ thực hiện thu nhanh nhất, số thu lớn nhất, do đó đã góp phần chủ động đảm bảo nguồn lực cho các cấp ngân sách thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.

b) Về chi ngân sách nhà nước:

- Đã tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định; chủ động cân đối ngân sách, tổ chức chi ngân sách theo dự toán được giao và phù hợp với khả năng thu.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra các khoản chi ngân sách; đảm bảo nguồn vốn ngân sách được sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, đạt hiệu quả. Thường xuyên rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo đúng đối tượng, đúng thời gian quy định.

- Tăng cường quản lý đầu tư công; tập trung xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển. Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; cắt giảm tối đa các khoản chi chưa cần thiết, cấp bách theo đúng quy định. Chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi NSNN khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo.

IV. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2018

a) Nguồn kinh phí: Tổng nguồn kinh phí dự phòng năm 2018 bố trí tại dự toán giao đầu năm là 105.555 triệu đồng.

b) Số kinh phí đã phân bổ: Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh đã sử dụng và phân bổ để bố trí cho các nhiệm vụ chi đảm bảo theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Luật ngân sách nhà nước năm 2015, góp phần xử lý kịp thời các nhiệm vụ chi cấp thiết phát sinh trong năm; tính đến hết tháng 10 năm 2018, đã phân bổ là 42.115 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ an ninh: 1.200 triệu đồng;

- Chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng: 17.648 triệu đồng;
 - Chi hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Mondulkiri - Campuchia: 5.038 triệu đồng;
 - Chi phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai: 8.887 triệu đồng;
 - Chi thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh khác: 9.342 triệu đồng.
- c) Nguồn kinh phí còn lại: 63.440 triệu đồng.

PHẦN II **DỰ TOÁN VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2019**

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày/...../2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 cho tỉnh Đăk Lăk; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự toán và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2019 của tỉnh với những nội dung cơ bản như sau:

I. Cơ sở xây dựng dự toán ngân sách năm 2019

Dự toán NSNN năm 2019 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2019 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Dự toán thu, chi NSNN năm 2019 được xây dựng theo đúng các quy định của pháp luật về thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

Trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, giai đoạn 2016-2020 của tỉnh và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong năm; chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

II. Dự toán và phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019

Dự toán thu NSNN năm 2019 được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành. Mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào NSNN theo quy định; trên cơ sở dữ liệu thông tin quản lý về thuế; đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2018, dự báo các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh năm 2019; có tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thực hiện các văn bản pháp luật về thuế mới sửa đổi, bổ sung,

mở rộng cơ sở tính thuế (kể cả đối tượng và căn cứ tính thuế) và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết quốc tế; yêu tố tăng thu từ kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế của các tổ chức, cá nhân, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng thu từ công tác chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi.

Trên cơ sở đó, dự toán thu NSNN năm 2019 được xây dựng cụ thể như sau:

1. Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 6.806.500 triệu đồng, tăng 25,1% so với dự toán Trung ương giao và tăng 23,8% so với ước thực hiện năm 2018, trong đó:

- Thu thuế và phí: 4.600.000 triệu đồng, tăng 6,7% dự toán Trung ương giao và tăng 6,5% ước thực hiện năm 2018;
- Thu biện pháp tài chính: 1.940.000 triệu đồng, tăng 118% dự toán Trung ương giao và tăng 110% so với ước thực hiện năm 2018;
- Thu xổ số kiến thiết: 130.000 triệu đồng, tăng 22,6% dự toán Trung ương giao;
- Thu thuế XNK: 136.500 triệu đồng, tăng 7,5% so với ước thực hiện năm 2018;

(chi tiết phụ lục 04 kèm theo)

2. Đối với dự toán thu ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2019:

- Tổng thu ngân sách các huyện, thị xã, thành phố là 2.687.700 triệu đồng, trong đó:
 - + Thu thuế và phí: 1.632.000 triệu đồng;
 - + Thu biện pháp tài chính: 1.055.700 triệu đồng, trong đó: tiền đất 978.500 triệu đồng.

(chi tiết phụ lục 06 kèm theo)

Riêng đối với thành phố Buôn Ma Thuột, dự toán thu cân đối ngân sách năm 2019 là 1.667.300 triệu đồng, nguồn được hưởng theo phân cấp được hưởng là 673.186 triệu đồng (không kể nguồn thu tiền sử dụng đất), giảm so với năm 2017 là 73.539 triệu đồng (năm 2017 nguồn được hưởng 746.725 triệu đồng).

III. Phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019

Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, dự toán chi năm 2019 được xây dựng cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2019, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN.

Năm 2019 là năm thứ ba của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2019 được xây dựng trên cơ sở định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được quy định tại Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đã bố trí theo mức lương cơ sở 1.390.000 đồng/tháng và đã đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và HĐND tỉnh ban hành đến thời điểm 31/12/2018. Vì vậy, các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố phải bố trí nguồn kinh phí trong dự toán

chi năm 2019 để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao;

Bên cạnh đó, dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 có một số điểm mới ổn định hơn, chủ động hơn và ưu tiên hơn cho đầu tư so với các năm trước, đó là:

Một là, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để chuyển sang chi đầu tư phát triển số tiền là 100 tỷ đồng theo Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh và Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Hai là, các đơn vị sự nghiệp công lập khôi tinh xây dựng phương án tự chủ theo Quyết định 756/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch, lộ trình chuyển đổi cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (có 10% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính giai đoạn từ nay đến năm 2021 và 20% giai đoạn 2021-2025); các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh tiếp tục xây dựng phương án tự chủ cho giai đoạn 2019-2021, qua rà soát đánh giá tình hình thu, chi tại các đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng phương án tự chủ (theo định mức chi tại Nghị quyết số 09/NĐ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh), xác định được 10 đơn vị sự nghiệp đạt mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên, 46 đơn vị sự nghiệp công lập đạt mức độ tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, 109 đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

Ba là, phương án sử dụng số kinh phí giảm chi thường xuyên cấp trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp y tế.

Dự toán thu chi năm 2019 của các cơ sở khám chữa bệnh công lập trực thuộc Sở Y tế đã tính toán tiền lương kết cấu vào giá dịch vụ khám, chữa bệnh theo Thông tư số 37/2015/TTLT-BYT-BTC là 228.000 triệu đồng. Tuy nhiên có 03 bệnh viện: Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Đa khoa Buôn Ma Thuột tự bảo đảm chi thường xuyên (100%) theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ thì số tiền lương kết cấu vào giá dịch vụ khám, chữa bệnh để lại chi tại 03 đơn vị là 107.000 triệu đồng; vì vậy số kinh phí thực giảm chi thường xuyên cấp trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp y tế, dân số và gia đình năm 2019 còn lại là 121.000 triệu đồng. Phương án phân bổ, sử dụng kinh phí này như sau:

- Mua và hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật bảo hiểm y tế, số tiền: 17.000 triệu đồng; thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tham gia sử dụng dịch vụ y tế công lập (Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo), số tiền: 1.500 triệu đồng; chi cho một số nội dung cấp bách khác của y tế địa phương, số tiền: 1.000 triệu đồng;

- Tăng chi cho y tế dự phòng; y tế cơ sở; bố trí đủ ngân sách địa phương để thực hiện các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số theo quy định tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, số tiền: 6.000 triệu đồng;

- Hỗ trợ các cơ sở khám, chữa bệnh các chi phí chưa kết cấu vào giá như: Chi phí quản lý, kể cả chi phí tiền lương do chưa kết cấu đủ trong giá dịch vụ, dành một

phần để hỗ trợ các cơ sở mua sắm trang thiết bị y tế, sửa chữa cơ sở, cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, góp phần nâng cáo chất lượng khám chữa bệnh; số tiền: 95.000 triệu đồng

Bốn là, phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2019 đã bố trí đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương cơ sở 1.390.000 đồng/tháng, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương theo quy định. Đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội; thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương và HĐND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực đến ngày 31/12/2018.

Đối với ngân sách thành phố Buôn Ma Thuột, do dự toán thu ngân sách được hưởng năm 2019 (không kể thu tiền sử dụng đất) giảm so với dự toán thu năm 2017 là 73.539 triệu đồng. Vì vậy, để đảm bảo mặt bằng chi thường xuyên cho thành phố Buôn Ma Thuột, ngân sách tinh bột sung đủ cho ngân sách thành phố.

Trên cơ sở đó, dự toán chi NSNN năm 2019 được xây dựng cụ thể như sau:

Tổng chi ngân sách năm 2019: 16.165.047 triệu đồng, tăng 9,1% so với dự toán Trung ương giao và tăng 9% so với ước thực hiện năm 2018 trong đó:

1. Chi cân đối NSDP: 13.964.428 triệu đồng, gồm:

- + Chi đầu tư phát triển: 2.873.030 triệu đồng,
- + Chi thường xuyên: 10.795.104 triệu đồng,
- + Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.440 triệu đồng;
- + Chi trả nợ lãi: 600 triệu đồng;
- + Dự phòng ngân sách: 252.254 triệu đồng;
- + Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 42.000 triệu đồng.

2. Phân bổ dự toán chi từ nguồn Trung ương bổ sung vốn theo mục tiêu đã xác định: 2.200.619 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu: 955.698 triệu đồng;
- Chi thực hiện các chế độ, chính sách: 757.744 triệu đồng;
- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 487.177 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 05 kèm theo)

Dự toán thu, chi ngân sách giao cho từng huyện, thị xã, thành phố năm 2019 được xác định theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên dự toán ngân sách địa phương năm 2017; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp. Dự toán chi NSNN năm 2019 được xây dựng trên cơ sở nguồn theo dự toán thu và số bổ sung cân đối thời kỳ ổn định ngân sách đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương và địa phương ban hành đến ngày 31/12/2018.

IV. Phương án trả nợ vay năm 2019.

Dư nợ vay của tỉnh Đăk Lăk đến thời điểm hiện nay (vốn vay tín dụng ưu đãi

của Ngân hàng Phát triển) là 187.242 triệu đồng; trong đó, nợ đến hạn phải trả là 143.992 triệu đồng (năm 2018 là 93.250 triệu đồng; nợ đến hạn phải trả năm 2019 là 50.742 triệu đồng).

Năm 2019 phương án trả nợ vay 143.992 triệu đồng như sau:

- Sử dụng tăng thu biện pháp tài chính ngân sách tỉnh năm 2018 để trả nợ vay dự kiến khoảng 84.560 triệu đồng, bao gồm:

+ Tăng thu tiền bán nhà dự kiến là 10.000 triệu (dự toán giao 5.000 triệu đồng, ước thực hiện 15.000 triệu đồng);

+ Tăng thu sử dụng đất ngân sách phần tỉnh hưởng là 74.560 triệu đồng, sau khi trừ 10% kinh phí trích cho Quỹ phát triển đất và 10% kinh phí đeo đạc, lập hồ sơ địa chính (nguồn thu tiền sử dụng đất tỉnh hưởng theo dự toán giao là: 356.800 triệu đồng, nguồn thu tiền sử dụng đất ước thực hiện cả năm tỉnh hưởng là: 450.000 triệu đồng);

- Nguồn còn thiếu để trả nợ là 59.432 triệu đồng (143.992 triệu đồng – 84.560 triệu đồng), sử dụng các nguồn:

+ Sử dụng 30.020 triệu đồng của Dự án đường Đông Tây từ nguồn ngân sách Trung ương trả cho địa phương do tỉnh đã bố trí ứng trước từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2017 cho dự án;

+ Sử dụng 29.412 triệu đồng từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh chưa phân bổ năm 2018.

PHẦN III CÁC BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2019

I. Về thu ngân sách nhà nước

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tạo mọi điều kiện thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2. Tổ chức triển khai thực hiện công tác thu NSNN ngay từ đầu năm, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào NSNN theo quy định của pháp luật. Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thuế đã được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành.

3. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc và chống thất thu NSNN; kịp thời đề ra các biện pháp xử lý nợ đọng thuế; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ trong công tác chống thất thu ngân sách.

4. Đẩy mạnh công tác theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế; việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng,

không đủ, gian lận thuế. Tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế; đẩy mạnh xử lý nợ đọng thuế, đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá....

5. Đẩy mạnh thu biện pháp tài chính, nhất là thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất, thu nợ tiền đất, thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, tăng cường thu xử phạt vi phạm hành chính, kịp thời bán đấu giá tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước.

II. Về chi ngân sách

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ các chính sách chồng chéo, trùng lắp, lãng phí, kém hiệu quả để dành nguồn lực cho các chính sách cần thiết hơn.

2. Các cấp, các ngành, các đơn vị thực hiện việc lập, xét duyệt và phân bổ dự toán ngân sách sát với tình hình thực tế và khả năng ngân sách. Các đơn vị sử dụng ngân sách chủ động đảm bảo chi trong dự toán được giao, đúng mục tiêu, tiết kiệm.

3. Các sở, ngành của tỉnh (đơn vị dự toán cấp 1) chủ động xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; xác định nhu cầu kinh phí đối với từng danh mục theo Kế hoạch số 323/KH-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh để UBND tỉnh giao quyền tự chủ theo quy định trong thời kỳ ổn định 2017 – 2020.

4. Đẩy mạnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và một số mục tiêu, nhiệm vụ Trung ương và tỉnh bố trí vốn; đã được HĐND quyết nghị và UBND tỉnh quyết định.

5. Nghiêm túc và khẩn trương thực hiện Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2016, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng XDCB nguồn vốn đầu tư công, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn vốn NSNN và trái phiếu Chính phủ, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng XDCB tại các địa phương.

6. Điều hành dự toán chi thường xuyên cần thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cần thiết và khả năng triển khai thực hiện. Không bố trí dự toán và phê duyệt chủ trương đối với các chương trình, dự án chưa được thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối ngân sách.

7. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của từng đơn vị, địa phương thực hiện chi thường xuyên trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao và chính

sách, chế độ cụ thể đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2018; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2019; kính trinh HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị.

Noi nhận

- HĐND tỉnh (đề trình);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT, UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.



Phạm Ngọc Nghị

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018 TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Báo cáo số 327 /BC-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh Đăk Lăk)

ST T	Chỉ tiêu	Số thực hiện năm 2017	Năm 2018		Ước thực hiện năm 2018	Đơn vị tính: triệu đồng		TH 2018 so với cùng kỳ năm 2017		
			Dự toán			TW giao HĐND giao				
			TW giao	HĐND giao		TW giao	HĐND giao			
1	2	3	4	5	6=5/3	7=5/4	8=5/2			
A	Tổng thu cân đối NSNN (I+II)	5.175.805	4.680.000	5.000.000	5.500.000	117,5	110,0	106,3		
I	Thu nội địa (1+2+3)	5.131.881	4.630.000	4.950.000	5.373.000	116,0	108,5	104,7		
1	Thu thuế và phí	3.826.464	3.824.000	3.970.000	4.320.000	113,0	108,8	112,9		
a	Thu từ khu vực doanh nghiệp	1.415.799	1.240.000	1.286.526	1.529.953	123,4	118,9	108,1		
a1	DNNN Trung ương	681.531	560.000	580.218	572.252	102,2	98,6	84,0		
a2	DNNN địa phương	705.322	655.000	677.428	915.701	139,8	135,2	129,8		
a3	DN có vốn đầu tư nước ngoài	28.946	25.000	28.880	42.000	168,0	145,4	145,1		
b	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.034.982	1.216.000	1.216.000	1.212.256	99,7	99,7	117,1		
c	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	397	0	0	110			27,7		
d	Lệ phí trước bạ	296.796	353.000	353.000	314.577	89,1	89,1	106,0		
e	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.834	9.000	10.847	13.715	152,4	126,4	99,1		
e	Thuế thu nhập cá nhân	338.294	370.000	370.000	380.190	102,8	102,8	112,4		
f	Thu phí, lệ phí	123.451	125.000	125.018	135.103	108,1	108,1	109,4		
g	Thuế chuyển quyền SD đất	2	0	0				0,0		
h	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	18.343	11.000	53.817	53.180	483,5	98,8	289,9		
i	Tiền cho thuê đất	107.586	40.000	56.431	206.782	517,0	366,4	192,2		
j	Thué bảo vệ môi trường	412.316	435.000	473.081	427.080	98,2	90,3	103,6		
k	Thu phạt do ngành thuế phạt	64.664	20.000	20.280	44.054	220,3	217,2	68,1		
l	Thu cỗ túc và lợi nhuận sau thuế	0	5.000	5.000	3.000	60,0	60,0			
2	Thu biện pháp tài chính	1.189.411	676.000	850.000	923.000	136,5	108,6	77,6		
a	Thu cấp quyền SD đất	951.323	500.000	674.000	732.000	146,4	108,6	76,9		
b	Thu tiền bán nhà	37.091	5.000	5.000	5.000	100,0	100,0	13,5		
c	Thu tại xã	13.330	11.000	11.000	11.000	100,0	100,0	82,5		
d	Thu khác ngân sách	187.667	160.000	160.000	175.000	109,4	109,4	93,3		
	Trong đó Thu xử phạt VPHC ATGT	84.738	110.000	90.000	70.000	63,6	77,8	82,6		
3	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	116.006	130.000	130.000	130.000	100,0	100,0	112,1		
II	Các khoản do Hải quan thu	43.924	50.000	50.000	127.000	254,0	254,0	289,1		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

TỈNH ĐẮK LẮK

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 327 /BC-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Dự toán 2018		Ước thực hiện năm 2018	Thực hiện 2018 so với		
			TW giao	HĐND tỉnh giao		Dự toán TW giao (%)	Dự toán HĐND tỉnh giao (%)	Năm 2017 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	Tổng số chi NSNN	12.985.224	14.339.306	14.627.871	14.830.109	103,42	101,38	114,21
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.511.949	11.663.635	11.952.200	12.907.060	110,66	107,99	112,12
1	Chi đầu tư phát triển	1.601.503	1.557.910	1.746.791	1.746.791	112,12	100,00	109,07
a	Chi ĐTXDCB từ nguồn TW cân đối vốn trong nước	729.228	882.910	882.910	882.910	100,00	100,00	121,07
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	737.402	500.000	674.000	674.000	134,80	100,00	91,40
c	Chi đầu tư từ nguồn trả nợ vay và tiền bán nhà	35.052		14.881	14.881		100,00	42,45
d	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	99.821	130.000	130.000	130.000	100,00	100,00	130,23
e	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		45.000	45.000	45.000	100,00	100,00	
2	Chi thường xuyên	9.909.006	9.868.915	9.968.599	10.965.459	111,11	110,00	110,66
	Trong đó:							
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.720.037	4.802.787	4.841.277	5.325.405	110,88	110,00	112,83
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	21.518	22.415	22.415	21.743	97,00	97,00	101,04
c	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	192.456		141.138	155.252		110,00	80,67
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.440	1.440	1.440	1.440	100,00	100,00	100,00
4	Chi trả nợ lãi		3.000	3.000	3.000	100,00	100,00	
5	Dự phòng		232.370	232.370	190.370	81,93	81,93	
II	Chi từ nguồn TW bổ sung có mục tiêu	1.473.275	2.675.671	2.675.671	1.923.049	71,87	71,87	130,53
1	Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu	942.170	1.911.968	1.911.968	1.242.779	65,00	65,00	131,91
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách	287.893	485.592	485.592	485.592	100,00	100,00	168,67
3	Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	243.212	278.111	278.111	194.678	70,00	70,00	80,04

BIỂU UỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2018
CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số 327 /BC-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh Đăk Lăk)

Stt	Huyện, TP	Dự toán Thu cân đối 2018	Trong đó		Ước thực hiện thu cân đối 2018	Trong đó		So sánh TH/DT 2018	Trong đó	
			Thu thuế, phí	Biện pháp tài chính		Thu thuế, phí	Biện pháp tài chính		Thu thuế, phí	Biện pháp tài chính
1	TP. Buôn Ma Thuột	1.297.300	880.000	417.300	1.459.548	915.616	543.932	112,51	104,05	130,35
2	Huyện Ea H'Leo	73.900	52.500	21.400	100.999	49.781	51.218	136,67	94,82	239,34
3	Huyện Ea Súp	21.150	14.000	7.150	28.500	19.355	9.145	134,75	138,25	127,90
4	Thị xã Buôn Hồ	86.400	68.000	18.400	116.962	71.886	45.076	135,37	105,71	244,98
5	Huyện Buôn Đôn	28.500	20.000	8.500	44.387	34.426	9.961	155,74	172,13	117,19
6	Huyện Cư M'Gar	98.220	78.000	20.220	129.719	92.880	36.839	132,07	119,08	182,19
7	Huyện Krông Búk	53.350	33.500	19.850	64.480	37.459	27.020	120,86	111,82	136,12
8	Huyện Krông Năng	60.900	41.000	19.900	70.072	47.554	22.518	115,06	115,98	113,16
9	Huyện Ea Kar	97.800	75.000	22.800	120.529	90.701	29.828	123,24	120,93	130,83
10	Huyện M'Drăk	41.500	33.300	8.200	87.851	57.988	29.863	211,69	174,14	364,19
11	Huyện Krông Bông	42.600	35.000	7.600	48.074	43.210	4.865	112,85	123,46	64,01
12	Huyện Krông Păc	89.100	73.000	16.100	89.693	68.783	20.910	100,67	94,22	129,88
13	Huyện Krông Ana	45.600	34.000	11.600	60.324	39.187	21.137	132,29	115,26	182,21
14	Huyện Lăk	20.050	13.200	6.850	23.118	17.291	5.827	115,30	130,99	85,07
15	Huyện Cư Kuin	50.930	33.000	17.930	67.686	34.057	33.629	132,90	103,20	187,56
Tổng cộng		2.107.300	1.483.500	623.800	2.511.941	1.620.172	891.769	119,20	109,21	142,96

Phụ lục 04

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019 TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Báo cáo số 327 /BC-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh Đăk Lăk)

ST T	Chỉ tiêu	Uớc thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019		So sánh % DT 2019 UBND xây dựng với	
			Trung ương giao	UBND tỉnh xây dựng	DT TW giao	UTH năm 2018
			1	2	3	4
A	Tổng thu cân đối NSNN (I+II)	5.500.000	5.442.500	6.806.500	125,1	123,8
I	Thu nội địa (1+2+3)	5.373.000	5.306.000	6.670.000	125,7	124,1
1	Thu thuế và phí	4.320.000	4.310.000	4.600.000	106,7	106,5
a	Thu từ khu vực doanh nghiệp	1.529.953	1.397.000	1.648.160	118,0	107,7
a1	DNNN Trung ương	572.252	578.000	613.500	106,1	107,2
a2	DNNN địa phương	915.701	786.000	998.460	127,0	109,0
a3	DN có vốn đầu tư nước ngoài	42.000	33.000	36.200	109,7	86,2
b	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.212.256	1.290.000	1.290.095	100,0	106,4
c	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	110				0,0
d	Lệ phí trước bạ	314.577	340.000	340.200	100,1	108,1
e	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.715	13.000	11.870	91,3	86,5
e	Thuế thu nhập cá nhân	380.190	430.000	429.090	99,8	112,9
f	Thu phí, lệ phí	135.103	150.000	150.428	100,3	111,3
g	Thuế chuyển quyền SD đất					
h	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	53.180	33.000	44.239	134,1	83,2
i	Tiền cho thuê đất	206.782	70.000	73.130	104,5	35,4
j	Thuế bảo vệ môi trường	427.080	560.000	562.000	100,4	131,6
k	Thu khác do cơ quan thuế và QLTT thực hiện	44.054	27.000	50.788	188,1	115,3
l	Thu cỗ túc và lợi nhuận sau thuế	3.000				0,0
2	Thu biện pháp tài chính	923.000	890.000	1.940.000	218,0	210,2
a	Thu cấp quyền SD đất	732.000	700.000	1.740.000	248,6	237,7
b	Thu tiền bán nhà	5.000	5.000	5.000	100,0	100,0
c	Thu tại xã	11.000	2.000	10.350	517,5	94,1
d	Thu khác ngân sách	175.000	183.000	184.650	100,9	105,5
	Trong đó Thu xử phạt VPHC ATGT	70.000		90.000		128,6
3	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	130.000	106.000	130.000	122,6	100,0
II	Các khoản do Hải quan thu	127.000	136.500	136.500	100,0	107,5

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

TỈNH ĐẮK LẮK

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 327 /BC-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh Đắk Lăk)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Uớc thực hiện năm 2018	Dự toán 2019 TW giao	Dự toán 2019 UBND tỉnh xây dựng	So sánh % DT 2019 UBND xây dựng với	
					DT TW giao	UTH năm 2018
1	2	3	4	5	6=5/4	7=5/3
A	Tổng số chi NSNN	14.830.109	14.813.096	16.165.047	109,1	109,0
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.907.060	12.612.477	13.964.428	110,7	108,2
1	Chi đầu tư phát triển	1.746.791	1.709.030	2.873.030	168,1	164,5
a	Chi DTXDCB từ nguồn TW cân đối vốn trong nước	882.910	903.030	903.030		
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	674.000	700.000	1.740.000		
c	Chi đầu tư từ nguồn trả nợ vay và tiền bán nhà	14.881		0		
d	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	130.000	106.000	130.000		
e	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	45.000		0		
f	Chi đầu tư từ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên			100.000		
2	Chi thường xuyên	10.965.459	10.649.153	10.795.104	101,4	98,4
	Trong đó:					
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.325.405	5.161.946	5.240.375		
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	21.743	24.208	26.528		
c	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	155.252		137.134		
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.440	1.440	1.440	100,0	100,0
4	Chi trả nợ lãi	3.000	600	600	100,0	20,0
5	Dự phòng	190.370	252.254	252.254	100,0	
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương			42.000		
II	Chi từ nguồn TW bô sung có mục tiêu	1.923.049	2.200.619	2.200.619	100,0	114,4
1	Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu	1.242.779	955.698	955.698	100,0	76,9
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách	485.592	757.744	757.744	100,0	156,0
3	Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	194.678	487.177	487.177	100,0	250,2